

TỲ SA MÔN NGHI QUÝ

Hán dịch : Chùa Đại Hưng Thiện – Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí

BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch : HUYỀN THANH

A tha khát lô bệ thất la mạt noa tả – ma ha la xà tả – ma la mân đát lam
– bát la tỳ sa di, tát bà tát đảo tô ha bát hàm – tát bà tát đảo tứ đế sử nam .
Đát diệt tha : Ma ni bạt đạt đà la dã, toa bà ha – bố lồ noa bạt đạt la dã, toa
bà ha – Ma noa la dã dã, toa bà ha – tất trường ca la gia, toa bà ha

ଶଥକୁର୍ ଦେଖିତାନ୍ତିଶ୍ଵର ମନ୍ଦାଲାନ୍ତିଶ୍ଵର ସରମଧୁ ସହିମଧୁ ଶୁଗ
ଶ୍ଵର ମନ୍ଦାଲାନ୍ତିଶ୍ଵର

ଗନ୍ଧାରାନ୍ତିଶ୍ଵର ମନ୍ଦାଲାନ୍ତିଶ୍ଵର ମନ୍ଦାଲାନ୍ତିଶ୍ଵର ମନ୍ଦାଲାନ୍ତିଶ୍ଵର
ଶୁଗ

ATHAKURO VAI'SRAVANASYA – MAHÀ RÀJASYA – MARA
MANDALA – PRAVI'SAMI – SARVA SATVA STUTASYA – SARVA SATVA
HI TIŞTANAM.

TADYATHÀ : MAÑIBHADRÀYA SVÀHÀ – PURNABHADRÀYA
SVÀHÀ – MANORATHÀYA SVÀHÀ – SIDDHO KÀRAYA SVÀHÀ.

Tâm Chân Ngôn

An – Bệ thắt la mạt noa gia, sa bà ha

ॐ ଦେଖିତାନ୍ତିଶ୍ଵର ମନ୍ଦାଲାନ୍ତିଶ୍ଵର

OM - VAI'SRAVANÀYA - SVÀHÀ

(Có nạn ác với việc bị khẩu thiệt do ngôn ngữ của Quan phủ, tụng một ngàn
biến)

Tâm Trung Tâm Chân Ngôn (cũng có tên là : **Chư Phật Đồng Khế Đà La
Ni**)

An – Đàn na đà la dã – sa bà ha

ॐ ଧାନାଦାରାଜା ମନ୍ଦାଲାନ୍ତିଶ୍ଵର

OM DHĀNADA-RĀJA SVÀHÀ

(Cầu tài tụng một vạn biến)

Công Đức Thiên Tâm Chú :

An – chỉ nẽ, chỉ nẽ – Tát bà ca lý dã, sa đạt ni – Tân nẽ, tân nẽ – A đốc
lô sản hốt di noa xá gia – A bà ha gia hốt di đệ – Tỳ thắt la bệ thắt la mạt noa
dã – sa bà ha.

କୁଣ୍ଡଳୀ ମହାରାଜା ମହାରାଜା ମହାରାଜା ମହାରାଜା ମହାରାଜା ମହାରାଜା ମହାରାଜା

OM – ‘SRÌNI ‘SRÌNI – SARVATHÀ KÀRYA SÀDHANI – SINI SINI – ALAKSMI NÀ’SAYA – AVÀKA DEVI’SRÌ – VAI’SRAVANÀYA SVÀHÀ.

Tịnh Thân Chân Ngôn :

Án – khắc già tát bà diệt lật tha tị mộc xí – toa bà ha

ਉਂ ਗਰੰਥ ਸਕਾਧ ਅਤਿਂ ਵਿਃ ਸਨ

OM – KHADGA – SARVA ARTHA – ‘SIVAM DHÌH – SVÀHÀ

(Tay phải bum nước, tung bảy biến Tinh Thân)

Triệu Thỉnh Chân Ngôn :

Ná mô bệ thất la mạt noa tả – ma ha dực sử nại la tả, chí tha bà bạt bà
đô đá – toa bà ha.

ଏହି ବ୍ୟକ୍ତିଗତ ମନ୍ୟଷପରିମା ଅଧିକତଃ କୁଣ୍ଡଳ

NAMO VAI'SRAVANASYA – MAHÀ-YAKṢA-DHÀRASYA _ ‘SITA
VA STUTA – SVÀHÀ.

(Muốn Triệu Thỉnh cúng dường, tung bảy biển)

Đăng Chúc (Đèn đuốc) Chân Ngôn :

An - Bà tất đế lê - sa bà ha (7 biến)

ଶ୍ରୀ ମହାତ୍ମା ଗାନ୍ଧୀ

OM - BHAPETILE - SVÀHÀ

Cung Đường Hương Hoa Chân Ngôn :

An – tát bà mǎng yết la đà li ni – toa bà ha

ଶ୍ରୀ ମତ୍ସ୍ୟ ମହାପ୍ରକଳ୍ପ ମନୁଷ୍ୟ

OM - SARVA MAṄGALA DHĀRINÌ - SVĀHÀ

(Vật khí sach, chứa đầy nước với hương tung 7 biến)

Phát Khiển Chân Ngôn :

An – Tỳ lỗ ca dã, dá lại gia, mộ gia – tát bà độc khế biều, tát bản nhạ tam bà la – sa bà ha”

ବାଲା - ଶାବାନା ଶେଷା ମୁଦ୍ରା ମହ ଦେଖାଣା ମହ ପୁରୁ ମନ୍ତ୍ର ଶକ୍ତି

ॐ – VILOKÀYA TÀRÀYA MOCAYA SARVA DUHKHEBHYAH –
SARVA PÙJÀ SAMBHARA – SVÀHÀ

Đàn tác Pháp. Lấy phân bò xoa trên mặt đất, dùng bùn thơm xoa bôi bên trên, cạnh góc bên ngoài rộng hai khuỷu tay, cạnh góc bên trong rộng một khuỷu tay – Tượng tại mặt Bắc, ngồi ở phương Nam. **Nội Viên** để nước sạch, hương, hoa, quả trái. **Ngoại Viên** để sữa, cháo, bánh v.v....

HƯƠNG CÚNG DƯỜNG PHÁP CHÂN NGÔN:

Ma noa A la tha, bát lý bố la ca dã, toa bà ha

ମନ୍ତ୍ର ପରିପୁରାକାୟ

MANĀ ARTHA PARIPŪRAKĀYA – SVÀHÀ.

An Tất Hương, Đàm Hương, Long Não Hương, Thiên Mộc Hương, Hồn Dảm Hương, Hữu BẠn Hương, giã nát xong hòa với Mật. Ở trước Tượng tụng Chú này 108 biến, tay phải cầm hương, tinh thành cầu khấn trước Tượng, đủ số xong nên cúng dường. Như không có hương,y theo thời tụng Chân Ngôn này cũng nên cúng dường (Nghi Quỹ bên trên đã xong)

BẮC PHƯƠNG ĐẠI TỲ SA MÔN THIÊN VƯƠNG.

Đời Đường, Thiên Bảo Nguyên Đới, năm Nhâm Ngọ, Đại Thạch Khang gồm năm nước vây thành An Tây.

Năm ấy tháng hai ngày 11 có Biểu thỉnh binh cứu viện. Thánh Nhân bảo Nhất Hạnh Thiền Sư rằng :” Hòa Thượng ! An Tây bị nước Đại Thạch Khang vây, có Biểu thỉnh binh. Thành An Tây cách Kinh Đô một vạn hai ngàn dặm, binh trình tám tháng mới đến, An Tây ấy không do Trầm cai quản”

Nhất Hạnh nói: “Bệ hạ! Sao chẳng thỉnh Thần Binh của Bắc Phương Tỳ Sa Môn Thiên Vương ứng viện?”

Thánh Nhân nói: “Làm sao Trầm thỉnh được?”

Nhất Hạnh nói: “Muốn kêu gọi, nhờ Hồ Tăng **Đại Quảng Trí** liền thỉnh được”

Có Sắc gọi được Đại Quảng Trí đến nói rằng : “Thánh Nhân đã kêu gọi Thần Tăng, há chẳng có duyên với thành An Tây bị giặc của năm nước vây thành sao?”

Thánh Nhân nói: “Đúng vậy”

Đại Quảng Trí nói: “Bệ hạ cầm lò hương vào trong Đạo Trường nói bệ hạ thỉnh Thần Binh của Bắc Phương Thiên Vương cứu . Hãy mau vào Đạo Trường thỉnh”

Chân Ngôn chưa đủ 14 biến, Thánh Nhân chợt thấy có Thần Nhân gồm 600 người mặc giáp đứng ở trước Đạo Trường.Thánh Nhân hỏi Tăng rằng : “Đây là người nào?”

Đại Quảng Trí nói: “Đây là **Độc Kiện**, con thứ hai của Bắc Phương Tỳ Sa Môn Thiên Vương thống lãnh Thiên Binh cứu viện thành An Tây nên đến từ biệt”

Thánh Nhân bày thức ăn **phát khiển**.

Đến ngày của tháng 4 năm ấy, An Tây có biểu đến trình rằng : “Trước đây vào ngày 11 tháng hai sau giờ Ty trước giờ Ngọ, ở phía Đông Bắc cách thành 30 dặm có mây mù Đầu ám, trong mây mù có người, thân dài một trượng, ước chừng có 1500 người đều mặc áo giáp vàng. Đến giờ Dậu, sau đó đánh trống, thổi tù và phát tiếng kêu lớn, âm thanh chấn động 300 dặm, đất rung chuyển, núi lở rồi dừng trú 3 ngày, năm nước sợ hãi lui quân hết, rút binh trong các doanh trại và con chuột vàng ấy cắn dây cung nõ, khí giới bị hư hao gãy hết chẳng thể dùng, có người già

sợ quá đi không nỗi, binh do Thần cai quản muôn hao bớt. Trong hư không bảo rằng: “*Hãy tản đi, chẳng nên giết hại*” Tìm tiếng nói, ngoái nhìn trên lầu cửa Bắc của thành có ánh sáng lớn, thấy thân của Tỳ Sa Môn Thiên Vương ở trên lầu, với hình dạng của Thiên Vương Thần ấy, Kính cẩn dâng biểu tiến lên bậc trên”.

Trung Hoa Thiên Bảo 14 ghi chép : “**Ở Nội Cung Đường Tăng Đại Bi Xứ** sao chép được Kinh với Tượng”

Đến Đại Lịch năm thứ 5, ở Tập Châu thấy Nội Cung Phụng Tăng **Lương Bí** Pháp Sư dời đến trú ở chùa Khai Nguyên thuộc Tập Châu xem xét Kinh Tượng và bản Đại Bi giống nhau. “*Xưa kia để phòng bị cứu viện quốc giới, vâng theo giáo sắc của Phật, sai con thứ ba là Na Tra nâng Tháp theo hầu Thiên Vương*”

Tam Tạng **Đại Quảng Trí** nói: “Ngày mồng một mõi tháng là ngày mà Thiên vương và các Thiên, Quỷ, Thần tập hội - Ngày 11 là ngày con thứ hai **Độc Kiện** từ biệt vua cha đi tuần giới – Ngày 15 là ngày bốn vị Thiên Vương tập hội – Ngày 21 là ngày Na Tra và vua cha giao tháp. Ngày ấy nên dùng sữa, cháo cúng dường. Không có sữa ắt dùng tô mật, cháo cúng dường Thiên Vương ấy, có Thiên Linh quái lạ vâng theo Sắc tuyên nói giao phó 10 Đạo Tiết Độ, quân sở tại lanh lệnh đến Hình Tượng, cầu nguyện cúng dường”

Thiên Bảo năm đầu ghi chép: “Ngày 23 tháng 4, Nội Yết Giả Giám Cao Tuệ Minh, nghi con thứ hai của Thiên vương là **Độc Kiện** thống lãnh Thiên Binh hộ quốc giới ấy, con thứ ba của Thiên vương là **Na Tra** (Nala-kuvera, hay Naḍa-kuvera) nâng Tháp thường theo hầu Thiên Vương, **Cát Tường Thiên Nữ** (Śrī-Devi) là **Công Đức Thiên** tự có Chân Ngôn, **Bà Du Tiên** (Vasu Ṙṣī)...

Đại Quảng Trí nói rằng: “Đó là *Hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát*”

Nếu Thỉnh Triệu Thiên vương thời kết **Căn Bản Ăn**, liền tụng **Thỉnh Triệu Chân Ngôn** 7 biến rồi bung Ăn trên đỉnh đầu. Chân Ngôn là :

Đát nẽ dã tha (1) năng mô phệ thất-la ma noa dã (2) năng mô đà năng ná dã (3) đà năng thấp-phệ la dã (4) A nghiệt sai, bả lý nhĩ đà đà nănh thấp-phệ la, bả la ma ca lỗ nê ca (5) tát phệ tát đát phệ tứ đá tức-đa, ma ma (6) đat năng ma nő bát-la duệ sai (7) sa phệ dã ma nghiệt sai (8) sa phệ hạ

ଗୁରୁ ଦମ ଶ୍ରୀରାଧ ଦମ ତ୍ୱରା ଦମ ଶ୍ରୀଧନକୃପାମାର ଦମ
ଶ୍ରୀ ପରମାଣୁକ ମତସନ ଲାଗତା ମମ ଦମ ମମ ସଥକ ମୟମଜ
ମନ

TADYATHÀ : NAMO VAI'SRAVANÀYA – NAMO DHĀNADÀYA – DÀNE'SVARÀYA AKARŞA APARIMITA DÀNE'SVARA – PARAMA KÀRUNIKA – SARVA SATVA HÌTA CITTA MAMA (...) DÀNA MANU PRAYACCHA SVÀYAM AKARŞA – SVÀHÀ.

(Phần trên là **Quyển Thượng**)

Tư ghi là :

**An – Được xoa bồ da na hồng, nhân đà la tệ, sa bà hạ.Tỳ tả giả gia, sa bà
hạ** (Nữ Sứ tức là Ai Nguyên)

ॐ यक्षताना हुम् इन्द्रेभ्याह् स्वाहा

OM – YAKṢA BHUTANA HÙM – INDREBHYAH SVÀHÀ –
PI'SACAYA SVÀHÀ.

Tỳ Sa Môn Thiên Vương Tâm Chân Ngôn:

1. Năng mô la đát năng đát la dạ dã
2. Năng mô phệ thất la ma noa dã
3. Ma hạ la nhạ gia
4. Tất phộc đát đát phộc năng ma xá bả lị bồ la noa dã
5. Tất địa ca la dã
6. Tô khiên ná dã
7. Đát sa mẫu năng mạc tắc cật-lý đát phộc
8. Y hàm phệ thất la ma noa dã hiệt lý nai dã
9. Ma miệt đa dĩさい nhĩ
10. Tất phộc tất đát phộc tô khu phộc hám
11. Đát nẽ dã tha
12. An
13. Tất địa, tất địa, tất địa, tất địa
14. Tô mẫu, tô mẫu
15. Tả tả tả tả
16. Tả la, tả la
17. Yết la, yết la
18. Chỉ lị, chỉ lị
19. Câu lỗ, câu lỗ
20. Tổ lỗ, tổ lỗ
21. Sa đà dã
22. Ất bần
23. Ma ma nanh để dã mạt tha noa bà phộc, sa phộc hạ
24. Phệ thất la ma noa dã
25. Sa phộc hạ
26. Đạt năng na dã
27. Sa phộc hạ
28. Ma noa la tha, bả lị bồ la ca dã
29. Sa phộc hạ

गम्भीरय

गम्भीरय मन्त्रय

मदमदरम मध्ये धूरय महि नरय शश ददय गञ्ज गम्भी
र तंश दशयन दृदयमदश तंश अ मदमद शश दद

ଗୁଣ ଓ ମହିର ସମ୍ମାନ ଏହାର ମହିର କରେ କରେ
ଶମ୍ଭବ ସମ୍ଭବ ମଧ୍ୟଧାରୀ ମମ ଉତ୍ତର ମଧ୍ୟମାଦ ଶଳ
ଦେଖାଯାଇ ଶଳ
ଦେଖାଯାଇ ଶଳ
ମଧ୍ୟ ପରମାର୍ଥାଯ ଶଳ

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMO VAI'SRAVANÀYA MAHÀ RÀJÀYA

SARVA SATVA NÀMÀ 'SÀPARI PÙRAÑÀYA SIDDHI KARÀYA
SUKHADADÀYA – TASMAI NAMAHSKRTVA IDÀM VAI'SRAVANA
HRDAYAM ÀVARTTA ISYA MI – SARVA SATVA SUKHÀ VA HAM

TADYATHÀ : OM – SIDDHI SIDDHI – SUMU SUMU – CA CA CA CA_
CARA CARA – SARA SARA – KARA KARA – KIRI KIRI – KURU KURU –
MURU MURU – CURU CURU – SÀDHAYA ARTHAM MAMA NITYA
MATHANOBHÀVA – SVÀHÀ.

VAI'SRAVANÀYA –SVÀHÀ

DHÀNADÀYA – SVÀHÀ

MANORATHA PARIPÙRAKÀYA – SVÀHÀ

Nước Trung Thiên Trúc, Tam Tạng Bà La Môn Đạt Ma Già Đà Na dịch là :

Nam mạo ma ha thất-lợi dạ gia (1) nam mạo phệ thất-la mạn na gia (2)
ma ha được -xoa tế na bạt đà duệ (3) đát diệt tha (4) thấp phệ, thấp phệ (5)
(Bản khác ghi là : thấp phệ sa phộc ha, thấp phệ sa phộc ha) **toa phộc, toa phộc (6)**
phiến diễn mạt đế, sa phộc ha (7) thí vân đát lê, toa phộc ha (8) nhạ gia bạt đế
lê, sa phộc ha ”

ଦମ ମନ୍ଦ୍ରାଯ

ଦମ ଦେଖାଯା ମନ୍ଦ୍ରାଯକମନ୍ଦ୍ରାଯ

ଗୁଣ ଭୂତ୍ୱ ଶର୍ମିତାତ୍ମ ଶଳ ଭୂତ୍ୱ ଵାର୍ତ୍ତ ଶଳ ରାଧାନ୍ତିଷ୍ଠ ଶଳ

NAMO MAHÀ 'SRÌYÀYA

NAMO VAI'SRAVANÀYA MAHÀ YAKSA SENAPATÀYE

TADYATHÀ: 'SIVE 'SIVE – SVÀ SVÀ – 'SÀNTI VATI SVÀHÀ _
'SIVAM DHÌRI SVÀHÀ – JAYA BHADRI SVÀHÀ.

Nay Ta nói **Căn Bản Án**. Dùng hai tay, bên phải đè bên trái, cùng cài chéo nhau bên trong, dựng thẳng hai ngón vô danh cùng hợp đầu ngón, co hai ngón trỏ như móc câu. Nếu **Nghinh Thỉnh** liền bung Án trên đỉnh đầu, sau đó lấy tràng hạt rồi chuyên chú niệm tụng.

Tiếp kết **Cát Tường Thiên Nữ Thân Án**. Chắp hai tay lại giữa trống rỗng (Hư Tâm hợp chưởng) mở hai ngón trỏ, hai ngón giữa, hai ngón vô danh rồi co như hình hoa sen, dựng thẳng hai ngón cái, hai ngón út hợp nhau. Nếu **niệm tụng** thời để ngang trái tim kết Án, tụng Chân Ngôn bảy biến rồi bung Án trên đỉnh đầu (Văn của Biệt Bản)

Lại có Pháp: Chọn ngày 15 của kỳ Bạch Nguyệt với kỳ Hắc Nguyệt. Ở trong Tĩnh Phòng hoặc đất lộ thiên, ngồi hướng mặt về phương Bắc, đối Tượng cúng dường cháo sữa và đốt Huân Lục hương, tụng Đà La Ni này ba đêm, tụng 1.008 biến....

Lại có Pháp. Nếu cầu Quan vị , đối trước Tượng, một ngày một đêm tụng tên gọi của Quý Nhân, cứ một biến xưng một lần, mãn 1008 biến thì quan vị mong cầu liền được.

Nếu có nơi cạnh tranh chiến đấu, muốn được là kẻ mạnh. Dùng vải trắng làm sợi dây, cứ một lần Chú một lần kết gút, mãn 1080 biến rồi cột trên cánh tay trái ắt liền thắng.

Lại có Pháp dùng Ngưu Hoàng đựng đầy trong một vật khí bằng đồng, đối trước Tượng tụng 108 biến, liền lấy xoa ở trên thân sẽ được tất cả người yêu kính.

Lại có Pháp. Nếu muốn được Quốc vương nhớ mong, mỗi ngày đêm niệm tụng 1.080 biến thì quốc vương liền nhớ mong, đều được điều mong cầu.

Ngài Tam Tạng trên lại dịch là:

**A đà già bộ đát-la gia (1) địa xá gia (2) phê xa la (3) bạt na tả (4) ma ha
hát la xà tả (5) dạ xoa địa bà đát tả (6) bà ma đát tả (7) tát đô đát tả (8) bà xa
gia bát-la bà ha na tả (9) hỷ ma đạt tra tra ni bát-la sa dạ mê (10) đát diệt tha
(11) câuさいdi, câuさいdi, câusa tỳxa la ma na tả (12) ma ha hát la xà (13) ý
bànđạtgiatả(14)đála ma xa đô (15) sa bà ha**

ଶଥକୁ ରୂଗ୍ରୟ ଦ୍ଵିତୀୟ ମନ୍ତ୍ରାର୍ଥଶ୍ରୀ ଅକ୍ଷାଧିପତି ରାମ
ଶ୍ରୀ ଶୁଣ୍ଠିନୀର ସଦଦ୍ସୁଦ୍ଧ ମହାପାତ୍ର ସପ୍ତମ
ରାଜ୍ୟ କୁର୍ମା କୁର୍ମା କୁର୍ମା ଶଶିରାଶ୍ରୀ ମନ୍ତ୍ରାର୍ଥ ଏହି ଏକଶ୍ରୀ ରାମ
ମହାକୁମାର

ATHAKORU BHÙTARÀYA DHIH ‘SAYA – VAI’SRAVANASYA
MAHÀ RÀJASYA – YAKŞA ADHIPATASYA – VAMATASYA – STUTASYA
BHA’SANA PRAVAHADASYA – HE MADATATANI PRAŞAYĀMI

TADYATHÀ : KU’SOMI, KU’SOMI , KU’SA , VAI’SRAVANASYA
MAHÀ RÀJA _ EVAM DHAKASYA– NETRA MAKŞATU – SVÀHÀ.

Hành Giả mặc quần áo trên dưới và tinh khiết, một lần đi nhà xí thì một lần tắm gội. Ngày 15 của Kỳ Bạch nguyệt thì bắt đầu, đối trước Tượng tụng Chú mãn mươi vạn biến xong. Sau đó lấy hương xoa tó trên Đàn, lại bày mọi loại thức ăn uống. Hành Giả lấy Huân Lục Hương, 108 cái, đều Chú một biến rồi ném vào trong lửa thì Thiên Vương liền hiện.

Lại có Pháp. Hành Giả nếu muốn được Hạt La xà (rāja – vua chúa) yêu kính, lấy đậu đỏ nhỏ, cứ một lần Chú một lần ném vào trong lửa đốt. Như vậy mãn 108 biến thì Hạt la xà ấy liền sai người gọi đến cực nhanh.

Lại có Pháp , nếu muốn được Đại quan yêu kính. Lấy hạt cải trắng, một lần Chú một lần ném vào trong lửa. Như vậy mãn 108 biến liền tự đến kính ngưỡng rất vui.

Lại có Pháp , nếu muốn đi xa, Chú vào Cốc Mộc (?cây lúa) rồi chống đi thì không có vướng chướng ngại bởi tất cả nạn

Lại có Pháp ,nếu muốn người yêu kính, lấy 108 hạt Khổ Luyện Tử, một lần Chú một lần ném trong lửa đốt. Như vậy tất cả người yêu kính Chú Sư như cha mẹ mình, đều mãn ước nguyện trong tâm.

Lại có Pháp , nếu muốn oan gia bỏ đi xa. Lấy 108 hạt Khổ Luyện Tử, một lần Chú một lần ném trong lửa đốt thì người ấy liền đi xa chẳng ở lại.

Lại có Pháp , nếu muốn khiến người hàng phục. Xưng tên họ người trước, Chú vào Lạc (váng sữa đặc) 108 biến rồi thiêu đốt.

Lại có Pháp. Muốn khiến có uy quang tự tại, Chú vào mực rồi bôi lên trán thì tất cả người nhìn thấy, không ai chẳng ái ngưỡng.

Lại có Pháp. Nếu bị Quỷ bệnh, đau tim, chú vào nước cất hoa Thạch Lựu rồi uống vào, liền khỏi.

Lại có Pháp , nếu bị Dã Hồ Quỷ My, Chú vào cành dương liễu rồi đánh vào người bệnh, liền khỏi.

Lại có Pháp. Nếu bị tất cả bệnh trúng gió, Chú vào bơ 21 biến rồi ăn vào, liền khỏi.

Lại có Pháp.Nếu bị bệnh sốt rét, Chú vào cành dương liễu 21 biến, khiến đánh người bệnh, liền khỏi

Lại có Pháp. Bị trúng cuồng ngôn Quỷ ngữ, Chú vào nước khiến uống vào, liền khỏi.

Lại có Pháp , nếu bị đau tim, Chú vào đất màu vàng rồi bôi xoa

Nếu bị tất cả bệnh Quỷ, Chú vào cành Thạch Lựu 108 biến rồi đánh người bệnh, liền khỏi.

Tác Ân Pháp. Hai ngón út cùng móc nhau, hướng hai ngón vô danh ra ngoài dựng thẳng; hai ngón giữa, hai ngón trỏ cùng cài ngược nhau; hướng hai ngón cái ra bên ngoài dựng thẳng, hai bàn tay cùng chung lưng (ở trên đã nói, trong hai Pháp đều dùng Ân này) tụng Chân Ngôn này đủ số, liền tụng **Sứ Giả Chân Ngôn** 7 biến, lại tụng **Bát Thiên Chân Ngôn** đều ba biến.

Tỳ Sa Môn Thiên Vương Sứ Giả Chú :

Na mô phệ thất-la bát na gia, ma ha được xoa tê na bát đa gia. Ân, tát bà yết la na, vĩ số đà nê, tát-phộc ha (Tăng Ích)

ନମେ ଦ୍ୱାରା ଯକ୍ଷମଣିନୀ ମହା ଯକ୍ଷମଣି
ଶତରୂପା ମହା ସନାପତୀ

NAMO VAI'SRAVANÀYA MAHÀ YAKSHA SENAPATÀYA

OM – SARVA KÀRAYA VI'SODHANE – SVÀHÀ

Ná mạc tam mạn đà bột đà nam (1) **A bát la để hạ đà, xá sa năng nam** (2)
– **Ân khước khước, khư tú khư tú** (3) **Hồng hồng – nhập phộc la, nhập phộc la**
(4) Bát la nhập phộc la bát la nhập phộc la (5) **để sắt xá, để sắt xá** (6) **sắt trí lý**
(7) sa phát tra, sa phát tra – sa phộc ha (Tức Tai)

ନମେ ସମର୍ଥ ସବୁନ୍ଦର ମୁଖତନୀନ୍ଦର ମିମନ୍ଦସ
ଶତରୂପା ବନ୍ଦରବଳ ହଞ୍ଚ ହଞ୍ଚନ୍ତା ସନ୍ଧାନସନ୍ଧାନ ଅଧ୍ୟାତ୍ମ ଶାଶ୍ଵା ମୁଦ୍ରାକ୍ଷେ
ରୁ ମନ୍ଦିର

NAMAḥ SAMANTA BUDDHĀNĀM – APRATIHATA ‘SASANANĀM

OM – KHA KHA – KHAHI KHAHI – HÙM HÙM – JVALA JVALA –
PRAJVALA PRAJVALA – TIŞTA TIŞTA – STRÌ STRÌ – SPHAT SPHAT
SVÀHÀ.

Vĩ sa dã sa phộc minh (lại nói là : Ba đế). **Ân – Được xoa bồ dạn na hồng,**
nhân đà la tệ, tát phộc hạ – tỳ sa già na, sa phộc hạ (giáng phục Đà Di Sứ Giả)

ଶତରୂପ ମହା ଶତରୂପା ହଞ୍ଚ ଉତ୍ସବାହୀନ୍ଦର ମନ୍ଦିରବଳ ମନ୍ଦିର

VIŞAYA SVÀ ME – OM – YAKSHA BHUTANA HÙM – INDREBHYAH
SVÀHÀ – PI'SACANĀM SVÀHÀ

Tụng Chân Ngôn này dùng **Khế** này. Hai tay nắm quyền, dựng thẳng hai ngón trỏ – tiếp mở hai ngón cái, tiếp ngón trỏ phải vượt trên lưng ngón trỏ trái vào trong lòng bàn tay, đưa ngón trỏ trái vào trong lòng bàn tay phải, tiếp hai ngón cái, bên trái nắm ngón trỏ phải, bên phải nắm ngón trỏ trái, sao cho hai đầu ngón hướng ra ngoài.

Tám vị Đại Thiên Vương :

1. **Ma ni bạt đà la** (Maṇibhadra – Bảo Hiền)

2. **Bố lỗ ná bạt đà la** (pùrṇabhadra – Mân Hiền)
3. **Bán chỉ ca** (Pañcika – Mật Chủ, Mật Thân)
4. **Sa đà kỵ lý** ('Satagiri – Uy Thần, Chúng Đức)
5. **Hê ma phộc đà** (Himavanta – Chủ Tuyết Sơn Giả, Ứng Niệm)
6. **Tì sai ca** (Vi'sakha – Đại Mân, Trì Pháp)
7. **A đà phộc ca** (Ātavaka – Vô Tỉ Lực, Vô Tỉ Thần)
8. **Bán sai ca** (Pañcala – Mật Nghiêm)

TỲ SA MÔN NGHI QUÝ (hết)

Bát Gia Lục ghi là : “**Tỳ Sa Môn Thiên Vương Nghi Quý** , một quyển, DUÊ”

Quý này dùng Chính Ngự Bản **Từ Thuận Tăng** của viện Trí Tích – Dương Sơn Ái Nhiễm viện **Đại Tuyên Đẳng** hợp xét , ngoài ra cũng giảo đính rồi “Thọ tử” (Sống ở quê nhà)

Hưởng Hòa Cải Nguyên, Tân Dậu, mùa Thu tháng 8 – Phong Sơn Tăng – KHOÁI ĐẠO ghi

Một lần xem và viết thêm xong – **TÙ THUẬN**

Văn Chính, năm thứ ba, Canh Thìn, tháng tám, ngày 28. Dùng bản của Tú Dương Xà Lê hợp xét xong _ LONG CAN

Đồng năm thứ tư, Tân Tỵ, tháng chín, ngày 23. Dùng bản của chùa Kiều Nhật Diệu xem xét so sánh lại xong (dùng màu đỏ để chú thích) LONG CAN

Hiệu chỉnh xong vào ngày 19/09/2008